

Số: 2055/QĐ-UBND

Sơn La, ngày 17 tháng 9 năm 2020

QUYẾT ĐỊNH

Về việc chuyển mục đích sử dụng đất, giao đất cho Công ty cổ phần Tập đoàn Picensa Việt Nam để thực hiện dự án Khu đô thị số 1, phường Chiềng An, thành phố Sơn La, tỉnh Sơn La (đợt 1)

ỦY BAN NHÂN DÂN TỈNH SƠN LA

Căn cứ Luật Tổ chức chính quyền địa phương ngày 19 tháng 6 năm 2015; Luật sửa đổi, bổ sung một số điều của Luật Tổ chức Chính phủ và Luật Tổ chức chính quyền địa phương ngày 22 tháng 11 năm 2019;

Căn cứ Luật Đất đai ngày 29 tháng 11 năm 2013;

Căn cứ Nghị định số 43/2014/NĐ-CP ngày 15 tháng 5 năm 2014 của Chính phủ về quy định chi tiết thi hành một số điều của Luật Đất đai; Nghị định số 01/2017/NĐ-CP ngày 06 tháng 01 năm 2017 của Chính phủ về sửa đổi, bổ sung một số Nghị định quy định chi tiết thi hành Luật Đất đai; Nghị định số 135/2016/NĐ-CP ngày 09 tháng 9 năm 2016 của Chính phủ sửa đổi, bổ sung một số điều của các nghị định quy định về thu tiền sử dụng đất, thu tiền thuê đất, thuê mặt nước; Nghị định số 123/2017/NĐ-CP ngày 14 tháng 11 năm 2017 của Chính phủ về sửa đổi, bổ sung một số Điều của các Nghị định quy định về thu tiền sử dụng đất, thu tiền thuê đất, thuê mặt nước; Nghị định số 35/2015/NĐ-CP ngày 13 tháng 4 năm 2015 của Chính phủ về quản lý, sử dụng đất trồng lúa; Nghị định số 62/2019/NĐ-CP ngày 11 tháng 7 năm 2019 của Chính phủ về sửa đổi, bổ sung một số điều Nghị định số 35/2015/NĐ-CP ngày 13 tháng 4 năm 2015 của Chính phủ về quản lý, sử dụng đất trồng lúa; Nghị định số 25/2020/NĐ-CP ngày 28 tháng 02 năm 2020 của Chính phủ quy định chi tiết thi hành một số điều của Luật Đấu thầu về lựa chọn nhà đầu tư;

Căn cứ Thông tư số 23/2014/TT-BTNMT ngày 19 tháng 5 năm 2014 của Bộ Tài nguyên và Môi trường quy định về Giấy chứng nhận quyền sử dụng đất, quyền sở hữu nhà ở và tài sản khác gắn liền với đất; Thông tư số 30/2014/TT-BTNMT ngày 02 tháng 6 năm 2014 của Bộ Tài nguyên và Môi trường quy định về hồ sơ giao đất, cho thuê đất, chuyển mục đích sử dụng đất, thu hồi đất; Thông tư số 33/2017/TT-BTNMT ngày 29 tháng 9 năm 2017 của Bộ Tài nguyên và Môi trường quy định chi tiết Nghị định số 01/2017/NĐ-CP ngày 06 tháng 01 năm 2017 của Chính phủ về sửa đổi, bổ sung một số Nghị định quy định chi tiết thi hành Luật Đất đai;

Căn cứ Nghị quyết số 06/2016/NQ-HĐND ngày 04 tháng 8 năm 2016 của Hội đồng nhân dân tỉnh Sơn La về thu tiền bảo vệ, phát triển đất trồng lúa khi chuyển mục đích sử dụng đất chuyên trồng lúa nước sang mục đích phi nông nghiệp;

Căn cứ Quyết định số 55/2018/QĐ-UBND ngày 26 tháng 12 năm 2018 của UBND tỉnh về việc quy định mức thu tiền bảo vệ, phát triển đất trồng lúa trên địa bàn tỉnh Sơn La;

Căn cứ Quyết định số 194/QĐ-UBND ngày 31 tháng 01 năm 2020 của UBND tỉnh về việc phê duyệt Kế hoạch sử dụng đất năm 2020 thành phố Sơn La;

Theo đề nghị của Giám đốc Sở Tài nguyên và Môi trường Sơn La tại Tờ trình số 723/TTr-STNMT ngày 14 tháng 9 năm 2020.

QUYẾT ĐỊNH:

Điều 1. Chuyển mục đích sử dụng đất, giao đất cho Công ty cổ phần tập đoàn Picensa Việt Nam để thực hiện dự án Khu đô thị số 1, phường Chiềng An, thành phố Sơn La với những nội dung sau:

1. Chuyển mục đích sử dụng đất: Chuyển 81.973,2 m² đất (trong tổng số 84.707,8 m² đất UBND thành phố Sơn La đã thu hồi đất) sang mục đích sử dụng đất phi nông nghiệp để thực hiện dự án Khu đô thị số 1, phường Chiềng An, thành phố Sơn La.

- Diện tích các loại đất trước khi chuyển mục đích:

+ Đất chuyên trồng lúa nước (LUC): 81.522,1 m²;

+ Đất trồng cây hàng năm khác (HNK): 27,3 m²;

+ Đất giao thông (DGT): 19,5 m²;

+ Đất thủy lợi (DTL): 404,3 m²;

- Lý do chuyển mục đích sử dụng đất: Để thực hiện dự án Khu đô thị số 1, phường Chiềng An, thành phố Sơn La, tỉnh Sơn La.

- Địa chỉ khu đất: Phường Chiềng An, thành phố Sơn La, tỉnh Sơn La.

- Vị trí, ranh giới khu đất được xác định theo mảnh trích đo địa chính phường Chiềng An số 04-2020 tỷ lệ 1/1000 do Trung tâm phát triển quỹ đất thuộc Sở Tài nguyên và Môi trường lập và được Văn phòng đăng ký đất đai thuộc Sở Tài nguyên và Môi trường kiểm tra, xác nhận ngày 20/8/2020 (có mảnh trích đo kèm theo).

- Nguồn gốc, hiện trạng khu đất:

+ Nguồn gốc khu đất: Khu đất trên nằm trong tổng số 84.707,8 m² đất UBND thành phố Sơn La đã thu hồi đất (theo Báo cáo số 973/BC-UBND ngày 20/8/2020 của UBND thành phố Sơn La về kết quả thực hiện công tác thu hồi đất, bồi thường, hỗ trợ và tái định cư dự án Khu đô thị số 1, phường Chiềng An, thành phố Sơn La).

+ Hiện trạng khu đất: Khu đất trên Công ty cổ phần tập đoàn Picensa Việt Nam đã ứng kinh phí để UBND thành phố Sơn La thực hiện bồi thường và giải phóng mặt bằng cho các hộ gia đình, cá nhân trên địa bàn phường Chiềng An, thành phố Sơn La. Khu đất có ranh giới, mốc giới rõ ràng, không có tranh chấp về đất đai với các chủ sử dụng đất giáp ranh.

2. Giao đất: Giao 81.973,2 m² đất đã chuyển mục đích sử dụng đất tại khoản 1, Điều 1 Quyết định này cho Công ty cổ phần tập đoàn Picensa Việt Nam để thực hiện dự án Khu đô thị số 1, phường Chiềng An, thành phố Sơn La, cụ thể như sau:

2.1. Giao đất có thu tiền sử dụng đất:

- Diện tích đất giao: 38.455,4 m².
- Địa chỉ khu đất: Phường Chiềng An, thành phố Sơn La, tỉnh Sơn La.
- Loại đất: Đất ở đô thị (ODT).
- Thời hạn sử dụng đất: 50 năm (*năm mươi năm*), người mua nhà ở, đất ở gắn liền với quyền sử dụng đất được sử dụng đất ổn định lâu dài (*theo quy định tại khoản 3, Điều 126 Luật Đất đai năm 2013*).

- Hình thức giao đất: Nhà nước giao đất có thu tiền sử dụng đất không thông qua hình thức đấu giá quyền sử dụng đất (*Dự án trúng đấu thầu theo Quyết định số 500/QĐ-UBND ngày 01 tháng 3 năm 2019 của UBND tỉnh Sơn La về việc phê duyệt kết quả lựa chọn nhà đầu tư dự án Khu đô thị số 1, phường Chiềng An, thành phố Sơn La*).

(Chi tiết các thửa đất tại Biểu 01 kèm theo)

2.2. Giao đất không thu tiền sử dụng đất, cụ thể như sau:

- Diện tích đất giao: 43.517,8 m².
- Địa chỉ khu đất: Phường Chiềng An, thành phố Sơn La, tỉnh Sơn La.
- Loại đất gồm:
 - + Đất ở đô thị (ODT) (*để bố trí tái định cư*): 1.020,0 m²;
 - + Đất công viên, cây xanh (DKV): 9.656,9 m².
 - + Đất giao thông (DGT) (*Đường giao thông, vỉa hè và hạ tầng kỹ thuật*): 32.840,9 m².
- Thời hạn sử dụng đất:
 - + Đối với diện tích đất ở đô thị để bố trí tái định cư: Không quá 03 tháng kể từ ngày được bàn giao đất (*theo cam kết của Công ty cổ phần tập đoàn Picensa Việt Nam tại Đơn xin giao đất ngày 12/8/2020*).

+ Đối với đất công viên, cây xanh, đất giao thông: Không quá 18 tháng kể từ ngày được bàn giao đất. Sau khi đầu tư xây dựng xong các công trình hạ tầng kỹ thuật theo quy hoạch và dự án được duyệt, Nhà đầu tư bàn giao lại cho UBND thành phố Sơn La quản lý.

- Hình thức giao đất: Nhà nước giao đất không thu tiền sử dụng đất.

(Chi tiết các thửa đất tại Biểu 02 kèm theo)

3. Sự phù hợp với quy hoạch, kế hoạch sử dụng đất và căn cứ chuyển mục đích sử dụng đất, giao đất cho Công ty cổ phần tập đoàn Picensa Việt Nam:

3.1. Về chuyển mục đích sử dụng đất trồng lúa: Dự án Khu đô thị số 1, phường Chiềng An đã được Hội đồng nhân tỉnh cho phép chuyển mục đích sử dụng đất chuyên trồng lúa nước tại Nghị quyết số 109/NQ-HĐND và 110/NQ-HĐND ngày 07/12/2018 của HĐND tỉnh, đã đảm bảo theo quy định tại điểm b, khoản 1, Điều 58 Luật Đất đai năm 2013.

3.2. Dự án Khu đô thị số 1, phường Chiềng An nằm trong danh mục kế hoạch sử dụng đất năm 2020 thành phố Sơn La đã được UBND tỉnh phê duyệt tại Quyết định số 194/QĐ-UBND ngày 31/01/2020.

Điều 2. Tổ chức thực hiện

1. Giao Sở Tài nguyên và Môi trường:

- Xác định giá đất cụ thể để thu tiền sử dụng đất của Công ty cổ phần tập đoàn Picensa Việt Nam theo quy định.

- Ký Giấy chứng nhận quyền sử dụng đất, quyền sở hữu nhà ở và tài sản khác gắn liền với đất cho Công ty cổ phần tập đoàn Picensa Việt Nam đối với khu đất được giao tại điểm 2.1, khoản 2 Điều 1 Quyết định này theo quy định. Bàn giao Giấy chứng nhận quyền sử dụng đất, quyền sở hữu nhà ở và tài sản khác gắn liền với đất cho Công ty cổ phần tập đoàn Picensa Việt Nam sau khi Công ty cổ phần tập đoàn Picensa Việt Nam đã hoàn thành nghĩa vụ tài chính theo quy định.

- Chủ trì, phối hợp cùng các đơn vị có liên quan tiến hành bàn giao đất tại thực địa cho Công ty cổ phần tập đoàn Picensa Việt Nam khu đất được giao tại điểm 2.1, điểm 2.2, khoản 2 Điều 1 Quyết định này. Hoàn thành trước ngày 30/9/2020

- Chỉ đạo Văn phòng Đăng ký đất đai thuộc Sở Tài nguyên và Môi trường, Chi nhánh Văn phòng đăng ký đất đai thành phố Sơn La chỉnh lý, cập nhật biên động vào hồ sơ địa chính, cơ sở dữ liệu đất đai theo quy định; xác định cụ thể vị trí, diện tích đất chuyên trồng lúa nước được chuyển thành đất phi nông nghiệp gửi Sở Tài chính, Cục thuế tỉnh để xác định và tổ chức thu khoản tiền bảo vệ, phát triển đất trồng lúa; chuyển thông tin địa chính sang cơ quan thuế để xác định nghĩa vụ tài chính theo quy định.

2. Giao Sở Tài chính: Phối hợp với Sở Tài nguyên và Môi trường trong việc xác định giá đất cụ thể để thu tiền sử dụng đất của Công ty cổ phần tập đoàn Picensa Việt Nam.

3. Giao Cục thuế tỉnh:

- Xác định và tổ chức thu tiền bảo vệ, phát triển đất trồng lúa nộp vào ngân sách cấp tỉnh đối với Công ty cổ phần tập đoàn Picensa Việt Nam.

- Chỉ đạo Chi Cục thuế khu vực thành phố Sơn La – Mường La xác định nghĩa vụ tài chính đối với Công ty cổ phần tập đoàn Picensa Việt Nam theo quy định.

4. Giao UBND thành phố Sơn La:

- Chỉ đạo Phòng Tài nguyên và Môi trường tiến hành cập nhật cơ sở dữ liệu đất đai, hồ sơ địa chính theo quy định;

- Phối hợp với Sở Tài nguyên và Môi trường tiến hành bàn giao đất tại thực địa cho Công ty cổ phần tập đoàn Picensa Việt Nam;

- Phối hợp với các cơ quan có liên quan thực hiện kiểm tra, đôn đốc chủ đầu tư thực hiện dự án theo đúng quy định của pháp luật về đầu tư, xây dựng, đất đai, nhà ở, kinh doanh bất động sản và pháp luật khác có liên quan;

- Nhận chuyển giao các công trình mà chủ đầu tư chuyển giao cho nhà nước quản lý, khai thác theo đúng quy định.

5. Công ty cổ phần tập đoàn Picensa Việt Nam:

5.1. Phối hợp với Sở Tài nguyên và Môi trường, UBND thành phố Sơn La và các đơn vị có liên quan nhận bàn giao đất trên thực địa; sử dụng đất đúng ranh giới, mục đích sử dụng đất được giao; nộp tiền bảo vệ, phát triển đất trồng lúa; thực hiện nghĩa vụ tài chính về đất đai; chấp hành các quy định của pháp luật về đất đai, đầu tư, xây dựng, bảo vệ môi trường và các quy định của pháp luật có liên quan.

5.2. Sau khi xây dựng xong hạ tầng theo quy hoạch chi tiết xây dựng đã được phê duyệt và dự án đầu tư đã được chấp thuận: Bàn giao lại diện tích đất được giao đất không thu tiền sử dụng đất tại điểm 2.2, khoản 2, Điều 1 Quyết định này và toàn bộ các công trình hạ tầng kỹ thuật gắn liền với đất cho UBND thành phố Sơn La để quản lý theo quy định.

5.3. Chỉ được phép chuyển nhượng quyền sử dụng đất đối với các lô đất ở khi đáp ứng đủ điều kiện chuyển nhượng theo quy định của pháp luật và hoàn thành nghĩa vụ tài chính theo quy định.

Điều 3. Chánh Văn phòng UBND tỉnh; Giám đốc các sở: Tài nguyên và Môi trường, Tài chính, Xây dựng, Nông nghiệp và Phát triển nông thôn, Kế hoạch và Đầu tư; Cục trưởng Cục thuế tỉnh; Trưởng ban quản lý dự án dân dụng công nghiệp và phát triển đô thị tỉnh; Chủ tịch UBND thành phố Sơn La; Chi cục trưởng Chi cục thuế khu vực thành phố Sơn La – Mường La; Tổng Giám đốc Công ty cổ phần tập đoàn Picensa Việt Nam; Chủ tịch UBND phường Chiềng An, thành phố Sơn La; Thủ trưởng các đơn vị, tổ chức và cá nhân có liên quan chịu trách nhiệm thi hành quyết định này.

Quyết định này có hiệu lực thi hành kể từ ngày ký./

Nơi nhận:

- TT Tỉnh ủy (b/c);
- TT HĐND tỉnh (b/c);
- Chủ tịch UBND tỉnh (b/c);
- Các Phó Chủ tịch UBND tỉnh;
- Như Điều 3;
- Trung tâm phục vụ hành chính công tỉnh Sơn La;
- Các phòng: KT, TH – VP UBND tỉnh;
- Lưu: VT - Hiệu 25 bản.

**TM. ỦY BAN NHÂN DÂN
KT. CHỦ TỊCH
PHÓ CHỦ TỊCH**



Lò Minh Hùng

BIỂU 01: DANH SÁCH CÁC THỬA ĐẤT Ở ĐÔ THỊ GIAO CHO CÔNG TY CỔ PHẦN TẬP ĐOÀN PICENZA VIỆT NAM (ĐỢT 1)

(Kèm theo Quyết định số 2055/QĐ-UBND ngày 17/9/2020 của UBND tỉnh Sơn La

Số TT	Số thửa theo Trích đo địa chính	Ký hiệu lô, thửa theo Bản đồ Điều chỉnh cục bộ quy hoạch chi tiết xây dựng tỷ lệ 1/500 (đoạn Chiềng Cơi - Chiềng Xôm), thành phố Sơn La, tỉnh Sơn La (Lô số 6 và một phần lô số 7) được UBND thành phố Sơn La phê duyệt tại Quyết định số 3100/QĐ-UBND ngày 20/11/2019	Diện tích	Mục đích sử dụng	Ghi chú
		Lô OC7-3A	2168,7		
1	1	1	136,8	Đất ở đô thị	
2	2	2	90,0	Đất ở đô thị	
3	3	3	90,0	Đất ở đô thị	
4	4	4	90,0	Đất ở đô thị	
5	5	5	90,0	Đất ở đô thị	
6	6	6	90,0	Đất ở đô thị	
7	7	7	90,0	Đất ở đô thị	
8	8	8	90,0	Đất ở đô thị	
9	9	9	90,0	Đất ở đô thị	
10	10	10	90,0	Đất ở đô thị	
11	11	11	136,9	Đất ở đô thị	
12	12	22	137,6	Đất ở đô thị	
13	13	21	90,0	Đất ở đô thị	
14	14	20	90,0	Đất ở đô thị	
15	15	19	90,0	Đất ở đô thị	
16	16	18	90,0	Đất ở đô thị	
17	17	17	90,0	Đất ở đô thị	
18	18	16	90,0	Đất ở đô thị	
19	19	15	90,0	Đất ở đô thị	
20	20	14	90,0	Đất ở đô thị	
21	21	13	90,0	Đất ở đô thị	
22	22	12	137,4	Đất ở đô thị	

Số TT	Số thửa theo Trích đo địa chính	Ký hiệu lô, thửa theo Bản đồ Điều chỉnh cục bộ quy hoạch chi tiết xây dựng tỷ lệ 1/500 (đoạn Chiềng Cơi - Chiềng Xôm), thành phố Sơn La, tỉnh Sơn La (Lô số 6 và một phần lô số 7) được UBND thành phố Sơn La phê duyệt tại Quyết định số 3100/QĐ-UBND ngày 20/11/2019	Diện tích	Mục đích sử dụng	Ghi chú
		Lô OC7-3B	3332,7		
23	23	1	154,5	Đất ở đô thị	
24	24	2	90,0	Đất ở đô thị	
25	25	3	90,0	Đất ở đô thị	
26	26	4	90,0	Đất ở đô thị	
27	27	5	90,0	Đất ở đô thị	
28	28	6	90,0	Đất ở đô thị	
29	29	7	90,0	Đất ở đô thị	
30	30	8	90,0	Đất ở đô thị	
31	31	9	90,0	Đất ở đô thị	
32	32	10	90,0	Đất ở đô thị	
33	33	11	90,0	Đất ở đô thị	
34	34	12	90,0	Đất ở đô thị	
35	35	13	90,0	Đất ở đô thị	
36	36	14	90,0	Đất ở đô thị	
37	37	29	147,7	Đất ở đô thị	
38	38	30	97,3	Đất ở đô thị	
39	39	31	97,3	Đất ở đô thị	
40	40	32	97,3	Đất ở đô thị	
41	41	33	97,3	Đất ở đô thị	
42	42	34	147,6	Đất ở đô thị	
43	43	28	90,0	Đất ở đô thị	
44	44	27	90,0	Đất ở đô thị	
45	45	26	90,0	Đất ở đô thị	
46	46	25	90,0	Đất ở đô thị	

Số TT	Số thửa theo Trích đồ địa chính	Ký hiệu lô, thửa theo Bản đồ Điều chỉnh cục bộ quy hoạch chi tiết xây dựng tỷ lệ 1/500 (đoạn Chiềng Cơi - Chiềng Xôm), thành phố Sơn La, tỉnh Sơn La (Lô số 6 và một phần lô số 7) được UBND thành phố Sơn La phê duyệt tại Quyết định số 3100/QĐ-UBND ngày 20/11/2019	Diện tích	Mục đích sử dụng	Ghi chú
47	47	24	90,0	Đất ở đô thị	
48	48	23	90,0	Đất ở đô thị	
49	49	22	90,0	Đất ở đô thị	
50	50	21	90,0	Đất ở đô thị	
51	51	20	90,0	Đất ở đô thị	
52	52	19	90,0	Đất ở đô thị	
53	53	18	90,0	Đất ở đô thị	
54	54	17	90,0	Đất ở đô thị	
55	55	16	90,0	Đất ở đô thị	
56	56	15	153,7	Đất ở đô thị	
		Lô OC7-1	2768,6		
57	57	1	112,0	Đất ở đô thị	
58	58	2	75,0	Đất ở đô thị	
59	59	3	75,0	Đất ở đô thị	
60	60	4	75,0	Đất ở đô thị	
61	61	5	75,0	Đất ở đô thị	
62	62	6	75,0	Đất ở đô thị	
63	63	7	75,0	Đất ở đô thị	
64	64	8	75,0	Đất ở đô thị	
65	65	9	75,0	Đất ở đô thị	
66	66	10	75,0	Đất ở đô thị	
67	67	11	75,0	Đất ở đô thị	
68	68	12	75,0	Đất ở đô thị	
69	69	13	75,0	Đất ở đô thị	
70	70	14	75,0	Đất ở đô thị	

Số TT	Số thửa theo Trích đo địa chính	Ký hiệu lô, thửa theo Bản đồ Điều chỉnh cục bộ quy hoạch chi tiết xây dựng tỷ lệ 1/500 (đoạn Chiềng Cơi - Chiềng Xôm), thành phố Sơn La, tỉnh Sơn La (Lô số 6 và một phần lô số 7) được UBND thành phố Sơn La phê duyệt tại Quyết định số 3100/QĐ-UBND ngày 20/11/2019	Diện tích	Mục đích sử dụng	Ghi chú
71	71	29	145,0	Đất ở đô thị	
72	72	30	102,0	Đất ở đô thị	
73	73	31	102,0	Đất ở đô thị	
74	74	32	102,0	Đất ở đô thị	
75	75	33	143,1	Đất ở đô thị	
76	76	28	75,0	Đất ở đô thị	
77	77	27	75,0	Đất ở đô thị	
78	78	26	75,0	Đất ở đô thị	
79	79	25	75,0	Đất ở đô thị	
80	80	24	75,0	Đất ở đô thị	
81	81	23	75,0	Đất ở đô thị	
82	82	22	75,0	Đất ở đô thị	
83	83	21	75,0	Đất ở đô thị	
84	84	20	75,0	Đất ở đô thị	
85	85	19	75,0	Đất ở đô thị	
86	86	18	75,0	Đất ở đô thị	
87	87	17	75,0	Đất ở đô thị	
88	88	16	75,0	Đất ở đô thị	
89	89	15	112,5	Đất ở đô thị	
		Lô OC7-4A	3423,8		
90	90	1	128,8	Đất ở đô thị	
91	91	2	120,0	Đất ở đô thị	
92	92	3	120,0	Đất ở đô thị	
93	93	4	120,0	Đất ở đô thị	
94	94	5	120,0	Đất ở đô thị	

STT	Số thửa theo Trích địa sinh	Ký hiệu lô, thửa theo Bản đồ Điều chỉnh cục bộ quy hoạch chi tiết xây dựng tỷ lệ 1/500 (đoạn Chiềng Cơi - Chiềng Xôm), thành phố Sơn La, tỉnh Sơn La (Lô số 6 và một phần lô số 7) được UBND thành phố Sơn La phê duyệt tại Quyết định số 3100/QĐ-UBND ngày 20/11/2019	Diện tích	Mục đích sử dụng	Ghi chú
95	95	6	120,0	Đất ở đô thị	
96	96	7	120,0	Đất ở đô thị	
97	97	8	120,0	Đất ở đô thị	
98	98	9	120,0	Đất ở đô thị	
99	99	19	152,0	Đất ở đô thị	
100	100	20	120,0	Đất ở đô thị	
101	101	21	120,0	Đất ở đô thị	
102	102	22	154,0	Đất ở đô thị	
103	103	23	155,6	Đất ở đô thị	
104	104	24	154,0	Đất ở đô thị	
105	105	25	120,0	Đất ở đô thị	
106	106	26	120,0	Đất ở đô thị	
107	107	27	152,0	Đất ở đô thị	
108	108	10	120,0	Đất ở đô thị	
109	109	11	120,0	Đất ở đô thị	
110	110	12	120,0	Đất ở đô thị	
111	111	13	120,0	Đất ở đô thị	
112	112	14	120,0	Đất ở đô thị	
113	113	15	120,0	Đất ở đô thị	
114	114	16	120,0	Đất ở đô thị	
115	115	17	120,0	Đất ở đô thị	
116	116	18	127,4	Đất ở đô thị	
		Lô OC7-4D	3418,8		
117	117	1	125,9	Đất ở đô thị	
118	118	2	120,0	Đất ở đô thị	

Số TT	Số thửa theo Trích đo địa chính	Ký hiệu lô, thửa theo Bản đồ Điều chỉnh cục bộ quy hoạch chi tiết xây dựng tỷ lệ 1/500 (đoạn Chiềng Cơi - Chiềng Xôm), thành phố Sơn La, tỉnh Sơn La (Lô số 6 và một phần lô số 7) được UBND thành phố Sơn La phê duyệt tại Quyết định số 3100/QĐ-UBND ngày 20/11/2019	Diện tích	Mục đích sử dụng	Ghi chú
119	119	3	120,0	Đất ở đô thị	
120	120	4	120,0	Đất ở đô thị	
121	121	5	120,0	Đất ở đô thị	
122	122	6	120,0	Đất ở đô thị	
123	123	7	120,0	Đất ở đô thị	
124	124	8	120,0	Đất ở đô thị	
125	125	9	120,0	Đất ở đô thị	
126	126	19	152,0	Đất ở đô thị	
127	127	20	120,0	Đất ở đô thị	
128	128	21	120,0	Đất ở đô thị	
129	129	22	154,0	Đất ở đô thị	
130	130	23	156,5	Đất ở đô thị	
131	131	24	154,0	Đất ở đô thị	
132	132	25	120,0	Đất ở đô thị	
133	133	26	120,0	Đất ở đô thị	
134	134	27	152,0	Đất ở đô thị	
135	135	10	120,0	Đất ở đô thị	
136	136	11	120,0	Đất ở đô thị	
137	137	12	120,0	Đất ở đô thị	
138	138	13	120,0	Đất ở đô thị	
139	139	14	120,0	Đất ở đô thị	
140	140	15	120,0	Đất ở đô thị	
141	141	16	120,0	Đất ở đô thị	
142	142	17	120,0	Đất ở đô thị	
143	143	18	124,4	Đất ở đô thị	

Số TT	Số thửa theo Trích đo địa chính	Ký hiệu lô, thửa theo Bản đồ Điều chỉnh cục bộ quy hoạch chi tiết xây dựng tỷ lệ 1/500 (đoạn Chiềng Cơi - Chiềng Xôm), thành phố Sơn La, tỉnh Sơn La (Lô số 6 và một phần lô số 7) được UBND thành phố Sơn La phê duyệt tại Quyết định số 3100/QĐ-UBND ngày 20/11/2019	Diện tích	Mục đích sử dụng	Ghi chú
		Lô OC7-11	2356,3		
144	144	1	112,0	Đất ở đô thị	
145	145	2	75,0	Đất ở đô thị	
146	146	3	75,0	Đất ở đô thị	
147	147	4	75,0	Đất ở đô thị	
148	148	5	75,0	Đất ở đô thị	
149	149	6	75,0	Đất ở đô thị	
150	150	7	75,0	Đất ở đô thị	
151	151	8	75,0	Đất ở đô thị	
152	152	9	75,0	Đất ở đô thị	
153	153	10	75,0	Đất ở đô thị	
154	154	11	75,0	Đất ở đô thị	
155	155	23	138,0	Đất ở đô thị	
156	156	24	143,9	Đất ở đô thị	
157	157	25	158,5	Đất ở đô thị	
158	158	26	192,0	Đất ở đô thị	
159	159	22	75,0	Đất ở đô thị	
160	160	21	75,0	Đất ở đô thị	
161	161	20	75,0	Đất ở đô thị	
162	162	19	75,0	Đất ở đô thị	
163	163	18	75,0	Đất ở đô thị	
164	164	17	75,0	Đất ở đô thị	
165	165	16	75,0	Đất ở đô thị	
166	166	15	75,0	Đất ở đô thị	
167	167	14	75,0	Đất ở đô thị	

Số TT	Số thửa theo Trích đo địa chính	Ký hiệu lô, thửa theo Bản đồ Điều chỉnh cục bộ quy hoạch chi tiết xây dựng tỷ lệ 1/500 (đoạn Chiềng Cơi - Chiềng Xôm), thành phố Sơn La, tỉnh Sơn La (Lô số 6 và một phần lô số 7) được UBND thành phố Sơn La phê duyệt tại Quyết định số 3100/QĐ-UBND ngày 20/11/2019	Diện tích	Mục đích sử dụng	Ghi chú
168	168	13	75,0	Đất ở đô thị	
169	169	12	111,9	Đất ở đô thị	
		Lô OC7-12	3033,5		
170	170	1	121,1	Đất ở đô thị	
171	171	2	80,4	Đất ở đô thị	
172	172	3	80,2	Đất ở đô thị	
173	173	4	80,0	Đất ở đô thị	
174	174	5	80,0	Đất ở đô thị	
175	175	6	80,0	Đất ở đô thị	
176	176	7	80,0	Đất ở đô thị	
177	177	8	80,0	Đất ở đô thị	
178	178	9	80,0	Đất ở đô thị	
179	179	10	80,0	Đất ở đô thị	
180	180	11	80,0	Đất ở đô thị	
181	181	12	80,0	Đất ở đô thị	
182	182	13	80,0	Đất ở đô thị	
183	183	14	96,0	Đất ở đô thị	
184	184	29	162,0	Đất ở đô thị	
185	185	30	89,5	Đất ở đô thị	
186	186	31	97,1	Đất ở đô thị	
187	187	32	105,0	Đất ở đô thị	
188	188	33	152,1	Đất ở đô thị	
189	189	28	102,0	Đất ở đô thị	
190	190	27	85,0	Đất ở đô thị	
191	191	26	85,0	Đất ở đô thị	

Số TT	Số thửa theo Trích đồ địa chính	Ký hiệu lô, thửa theo Bản đồ Điều chỉnh cục bộ quy hoạch chi tiết xây dựng tỷ lệ 1/500 (đoạn Chiềng Cơi - Chiềng Xôm), thành phố Sơn La, tỉnh Sơn La (Lô số 6 và một phần lô số 7) được UBND thành phố Sơn La phê duyệt tại Quyết định số 3100/QĐ-UBND ngày 20/11/2019	Diện tích	Mục đích sử dụng	Ghi chú
192	192	25	85,0	Đất ở đô thị	
193	193	24	85,0	Đất ở đô thị	
194	194	23	85,0	Đất ở đô thị	
195	195	22	85,0	Đất ở đô thị	
196	196	21	85,0	Đất ở đô thị	
197	197	20	85,0	Đất ở đô thị	
198	198	19	85,0	Đất ở đô thị	
199	199	18	85,0	Đất ở đô thị	
200	200	17	85,0	Đất ở đô thị	
201	201	16	85,0	Đất ở đô thị	
202	202	15	128,1	Đất ở đô thị	
		Lô OC6-5B	2952,0		
203	203	1	120,0	Đất ở đô thị	
204	204	2	80,0	Đất ở đô thị	
205	205	3	80,0	Đất ở đô thị	
206	206	4	80,0	Đất ở đô thị	
207	207	5	80,0	Đất ở đô thị	
208	208	6	80,0	Đất ở đô thị	
209	209	7	80,0	Đất ở đô thị	
210	210	8	80,0	Đất ở đô thị	
211	211	9	80,0	Đất ở đô thị	
212	212	10	80,0	Đất ở đô thị	
213	213	11	80,0	Đất ở đô thị	
214	214	12	80,0	Đất ở đô thị	
215	215	13	80,0	Đất ở đô thị	

Số TT	Số thửa theo Trích đo địa chính	Ký hiệu lô, thửa theo Bản đồ Điều chỉnh cục bộ quy hoạch chi tiết xây dựng tỷ lệ 1/500 (đoạn Chiềng Cơi - Chiềng Xôm), thành phố Sơn La, tỉnh Sơn La (Lô số 6 và một phần lô số 7) được UBND thành phố Sơn La phê duyệt tại Quyết định số 3100/QĐ-UBND ngày 20/11/2019	Diện tích	Mục đích sử dụng	Ghi chú
216	216	14	80,0	Đất ở đô thị	
217	217	29	164,4	Đất ở đô thị	
218	218	30	101,3	Đất ở đô thị	
219	219	31	101,2	Đất ở đô thị	
220	220	32	101,1	Đất ở đô thị	
221	221	33	164,0	Đất ở đô thị	
222	222	28	80,0	Đất ở đô thị	
223	223	27	80,0	Đất ở đô thị	
224	224	26	80,0	Đất ở đô thị	
225	225	25	80,0	Đất ở đô thị	
226	226	24	80,0	Đất ở đô thị	
227	227	23	80,0	Đất ở đô thị	
228	228	22	80,0	Đất ở đô thị	
229	229	21	80,0	Đất ở đô thị	
230	230	20	80,0	Đất ở đô thị	
231	231	19	80,0	Đất ở đô thị	
232	232	18	80,0	Đất ở đô thị	
233	233	17	80,0	Đất ở đô thị	
234	234	16	80,0	Đất ở đô thị	
235	235	15	120,0	Đất ở đô thị	
		Lô OC6-5A	1741,2		
236	236	1	66,9	Đất ở đô thị	
237	254	37	143,0	Đất ở đô thị	
238	255	38	100,7	Đất ở đô thị	
239	256	39	100,2	Đất ở đô thị	

Số TT	Số thửa đất địa chính	Ký hiệu lô, thửa theo Bản đồ Điều chỉnh cục bộ quy hoạch chi tiết xây dựng tỷ lệ 1/500 (đoạn Chiềng Cơi - Chiềng Xôm), thành phố Sơn La, tỉnh Sơn La (Lô số 6 và một phần lô số 7) được UBND thành phố Sơn La phê duyệt tại Quyết định số 3100/QĐ-UBND ngày 20/11/2019	Diện tích	Mục đích sử dụng	Ghi chú
240	257	40	100,7	Đất ở đô thị	
241	258	41	142,8	Đất ở đô thị	
242	259	36	60,0	Đất ở đô thị	
243	260	35	60,0	Đất ở đô thị	
244	261	34	60,0	Đất ở đô thị	
245	262	33	60,0	Đất ở đô thị	
246	263	32	60,0	Đất ở đô thị	
247	264	31	60,0	Đất ở đô thị	
248	265	30	60,0	Đất ở đô thị	
249	266	29	60,0	Đất ở đô thị	
250	267	28	60,0	Đất ở đô thị	
251	268	27	60,0	Đất ở đô thị	
252	269	26	60,0	Đất ở đô thị	
253	270	25	60,0	Đất ở đô thị	
254	271	24	60,0	Đất ở đô thị	
255	272	23	60,0	Đất ở đô thị	
256	273	22	60,0	Đất ở đô thị	
257	274	21	60,0	Đất ở đô thị	
258	275	20	60,0	Đất ở đô thị	
259	276	19	66,9	Đất ở đô thị	
		Lô OC7-4B	3170,0		
260	277	1	121,5	Đất ở đô thị	
261	278	2	120,0	Đất ở đô thị	
262	279	3	120,0	Đất ở đô thị	
263	280	4	120,0	Đất ở đô thị	

Số TT	Số thửa theo Trích đo địa chính	Ký hiệu lô, thửa theo Bản đồ Điều chỉnh cục bộ quy hoạch chi tiết xây dựng tỷ lệ 1/500 (đoạn Chiềng Cơi - Chiềng Xôm), thành phố Sơn La, tỉnh Sơn La (Lô số 6 và một phần lô số 7) được UBND thành phố Sơn La phê duyệt tại Quyết định số 3100/QĐ-UBND ngày 20/11/2019	Diện tích	Mục đích sử dụng	Ghi chú
264	281	5	120,0	Đất ở đô thị	
265	282	6	120,0	Đất ở đô thị	
266	283	7	120,0	Đất ở đô thị	
267	284	8	120,0	Đất ở đô thị	
268	285	17	152,0	Đất ở đô thị	
269	286	18	120,0	Đất ở đô thị	
270	287	19	120,0	Đất ở đô thị	
271	288	20	154,0	Đất ở đô thị	
272	289	21	155,6	Đất ở đô thị	
273	290	22	154,0	Đất ở đô thị	
274	291	23	120,0	Đất ở đô thị	
275	292	24	120,0	Đất ở đô thị	
276	293	25	152,0	Đất ở đô thị	
277	294	16	120,0	Đất ở đô thị	
278	295	15	120,0	Đất ở đô thị	
279	296	14	120,0	Đất ở đô thị	
280	297	13	120,0	Đất ở đô thị	
281	298	12	120,0	Đất ở đô thị	
282	299	11	120,0	Đất ở đô thị	
283	300	10	120,0	Đất ở đô thị	
284	301	9	120,9	Đất ở đô thị	
		Lô OC7-4C	3168,8		
285	302	1	120,3	Đất ở đô thị	
286	303	2	120,0	Đất ở đô thị	
287	304	3	120,0	Đất ở đô thị	

Số TT	Số thửa theo địa chỉ chính	Ký hiệu lô, thửa theo Bản đồ Điều chỉnh cục bộ quy hoạch chi tiết xây dựng tỷ lệ 1/500 (đoạn Chiềng Cơi - Chiềng Xôm), thành phố Sơn La, tỉnh Sơn La (Lô số 6 và một phần lô số 7) được UBND thành phố Sơn La phê duyệt tại Quyết định số 3100/QĐ-UBND ngày 20/11/2019	Diện tích	Mục đích sử dụng	Ghi chú
288	305	4	120,0	Đất ở đô thị	
289	306	5	120,0	Đất ở đô thị	
290	307	6	120,0	Đất ở đô thị	
291	308	7	120,0	Đất ở đô thị	
292	309	8	120,0	Đất ở đô thị	
293	310	17	152,0	Đất ở đô thị	
294	311	18	120,0	Đất ở đô thị	
295	312	19	120,0	Đất ở đô thị	
296	313	20	154,0	Đất ở đô thị	
297	314	21	156,5	Đất ở đô thị	
298	315	22	154,0	Đất ở đô thị	
299	316	23	120,0	Đất ở đô thị	
300	317	24	120,0	Đất ở đô thị	
301	318	25	152,0	Đất ở đô thị	
302	319	16	120,0	Đất ở đô thị	
303	320	15	120,0	Đất ở đô thị	
304	321	14	120,0	Đất ở đô thị	
305	322	13	120,0	Đất ở đô thị	
306	323	12	120,0	Đất ở đô thị	
307	324	11	120,0	Đất ở đô thị	
308	325	10	120,0	Đất ở đô thị	
309	326	9	120,0	Đất ở đô thị	
		Lô OT6-4	6921,0		
310	327	1	371,7	Đất ở đô thị	
311	328	2	214,9	Đất ở đô thị	

Số TT	Số thửa theo Trích đo địa chính	Ký hiệu lô, thửa theo Bản đồ Điều chỉnh cục bộ quy hoạch chi tiết xây dựng tỷ lệ 1/500 (đoạn Chiềng Cơi - Chiềng Xôm), thành phố Sơn La, tỉnh Sơn La (Lô số 6 và một phần lô số 7) được UBND thành phố Sơn La phê duyệt tại Quyết định số 3100/QĐ-UBND ngày 20/11/2019	Diện tích	Mục đích sử dụng	Ghi chú
312	329	3	214,1	Đất ở đô thị	
313	330	4	213,1	Đất ở đô thị	
314	331	5	212,2	Đất ở đô thị	
315	332	6	211,1	Đất ở đô thị	
316	333	7	210,0	Đất ở đô thị	
317	334	8	207,9	Đất ở đô thị	
318	335	9	208,2	Đất ở đô thị	
319	336	10	212,4	Đất ở đô thị	
320	337	11	181,5	Đất ở đô thị	
321	338	12	181,2	Đất ở đô thị	
322	339	13	190,1	Đất ở đô thị	
323	340	14	186,6	Đất ở đô thị	
324	341	15	185,9	Đất ở đô thị	
325	342	16	206,5	Đất ở đô thị	
326	343	32	257,5	Đất ở đô thị	
327	344	31	199,2	Đất ở đô thị	
328	345	30	199,1	Đất ở đô thị	
329	346	29	196,3	Đất ở đô thị	
330	347	28	216,1	Đất ở đô thị	
331	348	27	214,5	Đất ở đô thị	
332	349	26	214,5	Đất ở đô thị	
333	350	25	218,8	Đất ở đô thị	
334	351	24	220,0	Đất ở đô thị	
335	352	23	220,0	Đất ở đô thị	
336	353	22	220,0	Đất ở đô thị	

Số TT	Số thửa theo Trích đo địa chính	Ký hiệu lô, thửa theo Bản đồ Điều chỉnh cục bộ quy hoạch chi tiết xây dựng tỷ lệ 1/500 (đoạn Chiềng Cọt - Chiềng Xôm), thành phố Sơn La, tỉnh Sơn La (Lô số 6 và một phần lô số 7) được UBND thành phố Sơn La phê duyệt tại Quyết định số 3100/QĐ-UBND ngày 20/11/2019	Diện tích	Mục đích sử dụng	Ghi chú
337	354	21	220,0	Đất ở đô thị	
338	355	20	220,0	Đất ở đô thị	
339	356	19	220,0	Đất ở đô thị	
340	357	18	220,0	Đất ở đô thị	
341	358	17	257,6	Đất ở đô thị	
Tổng cộng			38.455,4		



BIỂU 02: DANH SÁCH CÁC THỪA ĐẤT Ở ĐÔ THỊ GIAO CHO CÔNG TY CỔ PHẦN TẬP ĐOÀN PICENZA VIỆT NAM ĐỂ ĐẦU TƯ ĐỒNG BỘ HỆ THỐNG HẠ TẦNG KỸ THUẬT SAU ĐÓNG BÀN GIAO CHO BÀN GIAO LẠI CHO UBND THÀNH PHỐ SƠN LA QUẢN LÝ (ĐỢT 1)

Kèm theo Quyết định số 2055/QĐ-UBND ngày 17/9/2020 của UBND tỉnh Sơn La

Số TT	Số thửa theo Trích đo địa chính	Ký hiệu lô, thửa theo Bản đồ Điều chỉnh cục bộ quy hoạch chi tiết xây dựng tỷ lệ 1/500 (đoạn Chiềng Cơi - Chiềng Xôm), thành phố Sơn La, tỉnh Sơn La (Lô số 6 và một phần lô số 7) được UBND thành phố Sơn La phê duyệt tại Quyết định số 3100/QĐ-UBND ngày 20/11/2019	Diện tích	Mục đích sử dụng	Ghi chú
1	359	CX6-4	4.076,0	Đất công viên, cây xanh	
2	360	CX6-6.4	1.270,0	Đất công viên, cây xanh	
3	361	CX6-6.2	1.124,4	Đất công viên, cây xanh	
4	362	CX6-6.1	1.123,3	Đất công viên, cây xanh	
5	363	CX6-6.3	1.270,8	Đất công viên, cây xanh	
6	364	CX6-5.2	684,1	Đất công viên, cây xanh	
7	365	CX6-5.3	108,3	Đất công viên, cây xanh	
8	366		32.840,9	Đất giao thông, hạ tầng kỹ thuật.	
		Lô OC6-5A	1020,0		
9	237	2	60,0	Đất ở đô thị (Để bố trí tái định cư)	
10	238	3	60,0	Đất ở đô thị (Để bố trí tái định cư)	
11	239	4	60,0	Đất ở đô thị (Để bố trí tái định cư)	
12	240	5	60,0	Đất ở đô thị (Để bố trí tái định cư)	
13	241	6	60,0	Đất ở đô thị (Để bố trí tái định cư)	

Số TT	Số thửa theo Trích đo địa chính	Ký hiệu lô, thửa theo Bản đồ Điều chỉnh cục bộ quy hoạch chi tiết xây dựng tỷ lệ 1/500 (đoạn Chiềng Cơi - Chiềng Xôm), thành phố Sơn La, tỉnh Sơn La (Lô số 6 và một phần lô số 7) được UBND thành phố Sơn La phê duyệt tại Quyết định số 3100/QĐ-UBND ngày 20/11/2019	Diện tích	Mục đích sử dụng	Ghi chú
14	242	7	60,0	Đất ở đô thị (Để bố trí tái định cư)	
15	243	8	60,0	Đất ở đô thị (Để bố trí tái định cư)	
16	244	9	60,0	Đất ở đô thị (Để bố trí tái định cư)	
17	245	10	60,0	Đất ở đô thị (Để bố trí tái định cư)	
18	246	11	60,0	Đất ở đô thị (Để bố trí tái định cư)	
19	247	12	60,0	Đất ở đô thị (Để bố trí tái định cư)	
20	248	13	60,0	Đất ở đô thị (Để bố trí tái định cư)	
21	249	14	60,0	Đất ở đô thị (Để bố trí tái định cư)	
22	250	15	60,0	Đất ở đô thị (Để bố trí tái định cư)	
23	251	16	60,0	Đất ở đô thị (Để bố trí tái định cư)	
24	252	17	60,0	Đất ở đô thị (Để bố trí tái định cư)	
25	253	18	60,0	Đất ở đô thị (Để bố trí tái định cư)	
Tổng cộng			43.517,8		